TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh ngày 04/01/1985; địa chỉ: Tổ E, phường C, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị K, sinh ngày 15/01/1981; địa chỉ: Tổ B, phường C, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1952; địa chỉ: Tổ B, phường C, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh T và chị Trần Thị K kết hôn vào ngày 25/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh T, chị K sống hạnh phúc với nhau được đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống và cách suy nghĩ nên không có tiếng nói chung. Vợ chồng không thể chia sẻ được với nhau về mọi vấn đề trong

cuộc sống. Mặc dù anh T cũng đã cố gắng khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Từ đầu năm 2017 đến nay anh T và chị K đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Xác định cuộc sống hôn nhân không thể cứu vãn được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu Phạm Quốc T1, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Phạm Thế L, sinh ngày 27/9/2006. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có con nuôi, con riêng không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Trần Thị K không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nên không có quan điểm trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Thanh T đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Trần Thị K chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Thanh T. Xử cho anh Phạm Thanh T ly hôn chị Trần Thị K.

2. Về con chung: Các con chung của anh T và chị K đã trưởng thành tự lập được nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh T khai vợ chồng không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K không có quan điểm.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh T xin ly hôn chị Trần Thị K, đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị K có nơi thường trú và cư trú tại tổ B, phường C, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tiến hành xét xử vắng mặt chị K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh T và chị Trần Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình) và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/12/2005, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ những mâu thuẫn rất nhỏ trong gia đình như bất đồng trong quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách đã khiến anh T và chị K không thể chia sẻ những vui buồn, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Tuy không giải quyết được những mâu thuẫn nhỏ nhưng anh chị vẫn chung sống cùng một mái nhà để nuôi dạy con chung. Đến năm 2017 do những bất hòa kéo dài, căng thẳng trong hôn nhân không thể giải tỏa được nên anh chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến đời sống chung vợ chồng.

Tại buổi làm việc với Tòa án, bà Hoàng Thị H là mẹ đẻ chị K đều trình bày: Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì bà đã thông tin cho chị K biết để đến Tòa án, nhưng chị K đi làm ăn ở xa nên không bố trí về Toà án giải quyết được, chị K có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó bà còn nhiều lần nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để chuyển cho chị K và bà đều thông tin cho chị K biết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị K đã biết và được thông báo, được triệu tập nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc anh T kiện ly hôn chị. Qua lời khai của bà H (là mẹ đẻ chị K) thì chị K cũng mong muốn được ly hôn với anh T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T có nguyện vọng được ly hôn với chị K. Xét thực tế anh chị đã sống ly thân, chấm dứt tình cảm vợ chồng từ năm 2017 đến nay nên khả năng anh T và chị K đoàn tụ về chung sống là không còn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh T, xử cho anh T ly hôn chị K là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu Phạm Quốc T1,

sinh ngày 27/9/2006 và cháu Phạm Thế L, sinh ngày 27/9/2006. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Do anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị K không tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày quan điểm do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này anh T, chị K xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho anh Phạm Thanh T ly hôn chị Trần Thị K.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0001268 ngày 06/10/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh T phải nộp (anh T đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Phạm Thanh T và chị Trần Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5- Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng